

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BT
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/DS-ST

Ngày 23-8- 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BT TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lò Văn Trục

2. Ông: Lương Thanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện BT.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện BT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2023/TLST-DS ngày 09/01/2023 về vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/QĐXX-ST ngày 10/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST, ngày 27/7/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã L, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã L, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Văn H trình bày: Ông H làm tổ trưởng tổ vay vốn Thôn Ch, xã L, huyện BT. Vào ngày 13/11/2019 gia đình ông C có vay với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh huyện BT, tỉnh Thanh Hóa với số tiền

120.000.000đ. thời hạn vay 03 năm. Đến hạn trả nợ gốc nên vào hồi 15 giờ ngày 15/11/2022 ông Nguyễn Mạnh C đến nhà ông đặt vấn đề vay số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) thời hạn vay là 03 ngày để trả ngân hàng nông nghiệp huyện BT, không thỏa thuận lãi suất, ông C hứa sau khi trả sẽ làm hồ sơ vay lại để trả lại tiền cho ông. Sau khi đưa tiền cho ông C thì ông đi cùng ông C lên Ngân hàng để trả số tiền 120.000.000đ cho Ngân hàng và làm hồ sơ vay lại số tiền 150.000.000đ cho ông C. Sau 03 ngày thì ông H không thấy ông C đi lên Ngân hàng lấy tiền, ông có hỏi và ông C có trả lời là ông C không có nhu cầu vay ngân hàng nữa. Ông có đến nhà ông C để hỏi tiền nhưng ông C cứ trốn không gặp ông, hôm sau ông đến thì có gặp vợ ông C, vợ ông C trả lời nhà có hai con trâu ông H muốn lấy con nào thì lấy nhưng ông H không lấy gì của nhà ông C cả. Hỏi nợ gia đình ông C không trả nên ngày 30/11/2022 ông viết đơn lên Công an xã Lương Trung, huyện BT để giải quyết vụ việc. Tại Công an xã Lương Trung ông C cho rằng gia đình ông có vay Ngân hàng Nông nghiệp huyện nhưng đến hạn đã trả, ông không vay nên không nợ tiền của ông H và không ký giấy vay tiền, chữ ký giấy vay tiền không phải chữ ký của ông C.

Nay ông yêu cầu ông C phải trả số tiền gốc là 120.000.000đ và tiền lãi chậm trả từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 19/11/2022 đến hết ngày xét xử vụ án với lãi suất là 10%/ năm bằng 0,83%/ tháng.

Về lệ phí giám định: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí. Về án phí, ông là người cao tuổi nên xin miễn nộp tiền tạm ứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 11/01/2023, biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Mạnh C trình bày: Năm 2019 gia đình ông có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện BT 120.000.000đ thời hạn vay 03 năm, trả lãi qua tổ vay vốn. Đến cuối năm 2022 đến hạn trả nợ gốc ông đã mang 120.000.000đ để trả cho ngân hàng. Khi trả nợ có một mình ông đi trả và có dự định làm hồ sơ vay lại ngân hàng là 150.000.000đ nên có đến nhà ông H ký bộ hồ sơ vay tiền ông H đưa (ông H là tổ trưởng tổ vay vốn) ông có ký vào 01 giấy vay tiền có in sẵn nội dung “Giấy vay tiền” không có nội dung và số tiền cụ thể, ông không nhớ ký vào hôm nào, khi ký giấy vay tiền ông hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, không bị ép buộc hay đe dọa gì. Tại bản ghi lời khai ngày 09/3/2023 ông C trình bày: Số tiền ông trả nợ cho ngân hàng cuối năm 2022 gia đình ông đã bán 01 cặp trâu được 40.000.000đ, 02 con lợn mẹ và gần 1 tấn lợn thịt và vay mẹ vợ ông 20.000.000đ đủ 120.000.000đ để trả cho ngân hàng chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Mạnh C trong giấy vay tiền ngày 15/11/2022 ông H giao nộp cho Tòa

án không phải chữ ký và chữ viết Nguyễn Mạnh C, nội dung viết trong giấy vay không phải của ông. ông không hề đến nhà ông H và không được vay tiền với ông H nên ông không có trách nhiệm trả nợ.

Tại biên bản ghi lời khai tại Công an xã Lương Trung ngày 30/11/2022 ông C trình bày: Năm 2019 gia đình ông có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện BT 120.000.000đ thời hạn vay 03 năm, đến tháng 11/2022 ông H là tổ trưởng tổ vay vốn thông báo gia đình ông đến hạn trả nợ, một mình ông đã mang tiền lên trả cho Ngân hàng và có nhu cầu đảo sổ vay thêm 30.000.000đ nên có bảo cán bộ ngân hàng phụ trách địa bàn xã Lương Trung làm hồ sơ vay 150.000.000đ, nhưng trả nợ song về nhà các con không cho vay nữa nên ông đã lên rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Số tiền 120.000.000đ ông trả ngân hàng là tiền gia đình ông tích cóp được, ông không được vay tiền của ông H và không vay mượn của ai.

Sau khi Tòa án tiến hành Công khai chứng cứ và Hòa giải không thành, Nguyên đơn có đơn và cung cấp tài liệu chứng cứ về mẫu chữ viết và chữ ký của bị đơn đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 15/11/2022 đối với việc bị đơn cho rằng chữ ký và chữ viết Nguyễn Mạnh C trong giấy vay tiền là của bị đơn. Tại bản Kết luận giám định số 2011/KL – KTHS ngày 29/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Về đối tượng giám định: Chữ ký dạng chữ viết “Cường”, chữ viết tên “Nguyễn Mạnh C” dưới mục “Người vay” ở mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký dạng chữ viết “Cường”, chữ viết tên “Nguyễn Mạnh C” dưới mục “Khách hàng” ở mẫu so sánh ký hiệu M1; dưới mục “Đại diện khách hàng” ở mẫu so sánh ký hiệu M2; dưới mục “Người khai” ở mẫu so sánh ký hiệu M3; dưới mục “Đại diện ông đội trưởng Đ3” ở mẫu so sánh ký hiệu M4 và chữ viết tên “Nguyễn Mạnh C” dưới mục “Người khai” ở mẫu so sánh ký hiệu M5; dưới mục “Người giao nộp tài liệu, chứng cứ” ở mẫu so sánh ký hiệu M6; dưới mục “Người nhận” ở mẫu so sánh ký hiệu M7 do cùng một người viết ra.

Tại phiên toà bị đơn vắng mặt không có lý do

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên toà: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của BLTTDS. Bị đơn nhiều lần Tòa án triệu tập không chấp hành, Tòa án đã triệu tập lần thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật, áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của Nguyên đơn: xử buộc bị đơn, ông Nguyễn Mạnh C phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn ông Đỗ Văn H số tiền gốc vay ngày 15/11/2022 là 120.000.000đ cộng tiền lãi chậm trả theo đề nghị của ông H là 10%/ năm bằng 0,83%/ tháng.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về lệ phí giám định: Nguyên đơn xin chịu lệ phí giám định nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BT được quy định tại Điều 39 – BLTTDS năm 2015 vì theo đơn khởi kiện và giấy vay tiền, bản tự khai, bị đơn có địa chỉ tại Thôn Ch, xã L, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự: Nguyên đơn ông Đỗ Văn H yêu cầu ông Nguyễn Mạnh C trả số tiền vay theo giấy nợ ngày 15/11/2022, số tiền là 120.000.000đ, thời hạn vay là 03 ngày nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi trong kỳ hạn được quy định tại khoản 3 Điều 26 - BLTTDS năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn, ông Đỗ Mạnh Cường sau khi Tòa án thụ lý vụ án có đến làm bản tự khai và hòa giải có đến Tòa làm việc nhưng sau đó Tòa án triệu tập đến làm việc và đến phiên tòa vắng mặt không có lý. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa Nguyên đơn (ông H) vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn (ông C) phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 120.000.000đ và lãi xuất tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 10%/năm theo giấy vay nợ ngày 15/11/2022. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn (ông C) trình bày năm 2019 gia đình ông có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện BT 120.000.000đ thời hạn vay 03 năm, trả lãi qua tổ vay vốn. Đến cuối năm 2022 đến hạn trả nợ gốc ông đã mang 120.000.000đ để trả cho ngân hàng. Khi trả nợ có một mình ông đi trả và có dự định làm hồ sơ vay lại ngân hàng là 150.000.000đ nên có đến nhà ông H ký bộ hồ sơ vay tiền ông H đưa (ông H là tổ trưởng tổ vay vốn) ông có ký vào 01 giấy vay tiền có in sẵn nội dung “Giấy vay tiền” không có nội dung và số tiền cụ thể, ông không nhớ ký vào hôm nào, khi ký giấy vay tiền ông hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo, không bị ép buộc hay đe dọa gì. Tại bản ghi lời khai ngày

09/3/2023 ông C lại trình bày: Chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Mạnh C trong giấy vay tiền ngày 15/11/2022 ông H giao nộp cho Tòa án không phải chữ ký và chữ viết Nguyễn Mạnh C, nội dung viết trong giấy vay không phải của ông. Ông không hề đến nhà ông H và không được vay tiền với ông H nên ông không có trách nhiệm trả nợ.

Sau khi Tòa án tiến hành Công khai chứng cứ và Hòa giải không thành, Nguyên đơn có đơn và cung cấp tài liệu chứng cứ đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 2011/KL – KTTHS ngày 29/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Về đối tượng giám định: Chữ ký dạng chữ viết “Cường”, chữ viết tên “Nguyễn Mạnh C” dưới mục “Người vay” ở mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết họ tên của 07 mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Hội đồng xét xử thấy rằng về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì thấy rằng: Nội dung giấy vay tiền ngày 15/11/2022 phần nội dung do ông H viết, người vay là ông Nguyễn Mạnh C ký nhận và viết họ tên có nội dung thỏa thuận thể hiện việc vay nợ giữa ông H và ông C, có thời gian trả nợ, nội dung thỏa thuận giữa hai bên phù hợp, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy là hợp pháp và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong giấy nên ông H yêu cầu ông C phải trả nợ số tiền 120.000.000đ là có căn cứ, ông C cho rằng chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy vay tiền ngày 15/11/2022 không phải chữ ký và chữ viết Nguyễn Mạnh C là của ông nên Tòa án phải ra quyết định trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 2011/KL – KTTHS ngày 29/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Về đối tượng giám định: Chữ ký dạng chữ viết “Cường”, chữ viết tên “Nguyễn Mạnh C” dưới mục “Người vay” ở mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký và chữ viết họ tên của 07 mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Như vậy có đủ căn cứ buộc ông Nguyễn Mạnh C phải trả số tiền nợ là 120.000.000đ cho ông Đỗ Văn H.

Về yêu cầu trả khoản tiền lãi: Tại biên bản hòa giải ngày 11/01/2023 nguyên đơn đề nghị tính lãi xuất từ thời điểm chậm trả tức ngày 19/11/2022 đến thời điểm xét xử vụ án với lãi xuất 0,83%/ tháng là 8 tháng 04 ngày xét thấy có căn cứ được xem xét chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015. Như vậy lãi xuất được tính bằng 50% của mức lãi xuất giới hạn (20%/năm) tương đương với lãi xuất chậm trả 0,83%/ tháng là phù hợp không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận.

Tiền lãi tính từ ngày 19/11/2022 đến ngày 23/8/2023 là 8 tháng 4 ngày
(120.000.000đ x 08 tháng 04 ngày x 0,83%/ tháng) = 8.100.000đ (tính tròn số)
Tổng cộng gốc và lãi là 128.100.000đ (Một trăm hai tám triệu một trăm nghìn đồng).

[3.] Về tạm ứng án phí và án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Mạnh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí giám định: Ông H tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H: Buộc ông Nguyễn Mạnh C phải trả cho ông Đỗ Văn H số tiền 120.000.000đ tiền nợ gốc cộng tiền lãi là 8.100.000đ. Tổng số tiền phải trả nợ là 128.100.000đ (Một trăm hai mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

2. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ông H người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án (ông C) không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh C phải chịu 6.405.000đ (Sáu triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 271, 273 - BLTTDS, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện BT;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Văn Trục

Lương Thanh Hải

Vũ Văn Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo

Cao Xuân Bằng

Trần Thị Quyên

